TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2020
V/v tranh chấp"Xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

***Các Hội thẩm nhân dân*:** 1. Ông Trương Thanh Giảng

2. Ông Danh Đảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, khu phố B, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh Dương Hoàng T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

HKTT: Ấp 2B, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 16, khu phố B, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phan Thị H trình bày: Chị H và anh Ti sống chung như vợ chồng từ năm 2010 đến nay nhưng chưa có đăng ký kết hôn.

Chung sống với nhau có 02 người con chung là Phan Gia B, sinh ngày 04/8/2010 và Phan Gia L, sinh ngày 30/4/2014. Thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng sau đó chúng tôi không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nay chị làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Hoàng T. Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai bị đơn – anh Dương Hoàng T trình bày: Quá trình chung sống như trình bày của chị H là đúng. Do vợ chồng hết tình cảm, sống chung không còn hạnh phúc nên chị H yêu cầu xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý. Vê con chung: Anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con nhưng bằng trách nhiệm của người cha, anh sẽ có cách làm hết trách nhiệm của mình. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Dương Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị H và Dương Hoàng T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh T đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý….".*

Vì vậy, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý, nên HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị H và anh Dương Hoàng T.

[3] Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu B và sự thỏa thuận giữa chị H và anh T giao 02 người con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 04/8/2010 và Phan Gia L, sinh ngày 30/4/2014 cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng do chị H không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, do chị Phan Thị Hạnh yêu cầu ly hôn nên phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Căn cứ: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị H và anh Dương Hoàng T.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Phan Gia B, sinh ngày 04/8/2010 và Phan Gia L, sinh ngày 30/4/2014 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T cũng không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các bên xác nhận là không có.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000250 ngày 21/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/9/2020). Anh Dương Hoàng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án DS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, tập án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Minh